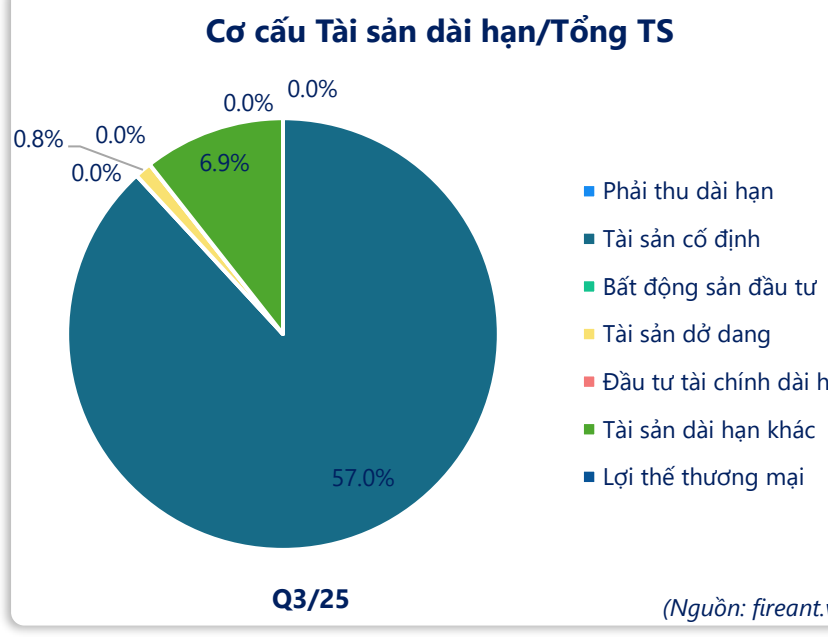
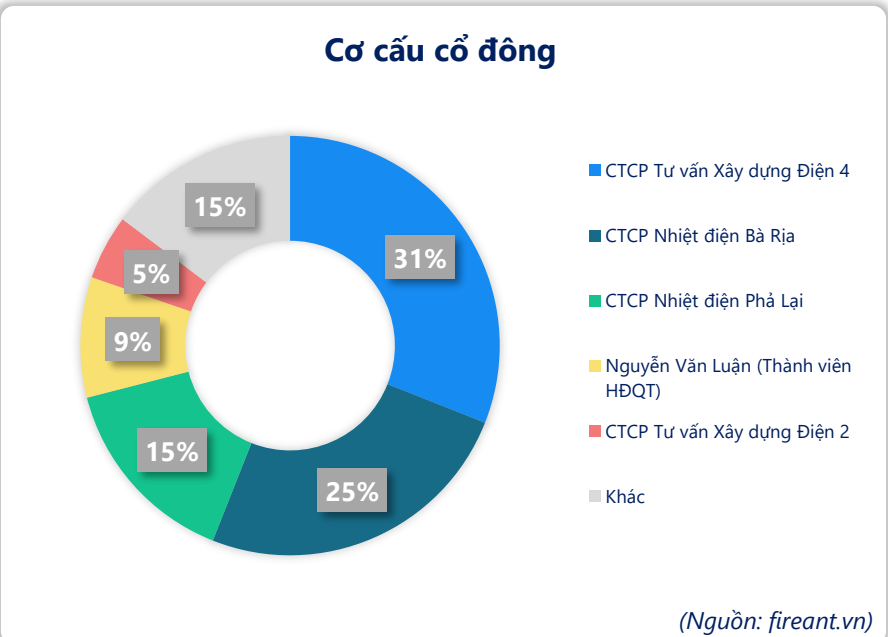
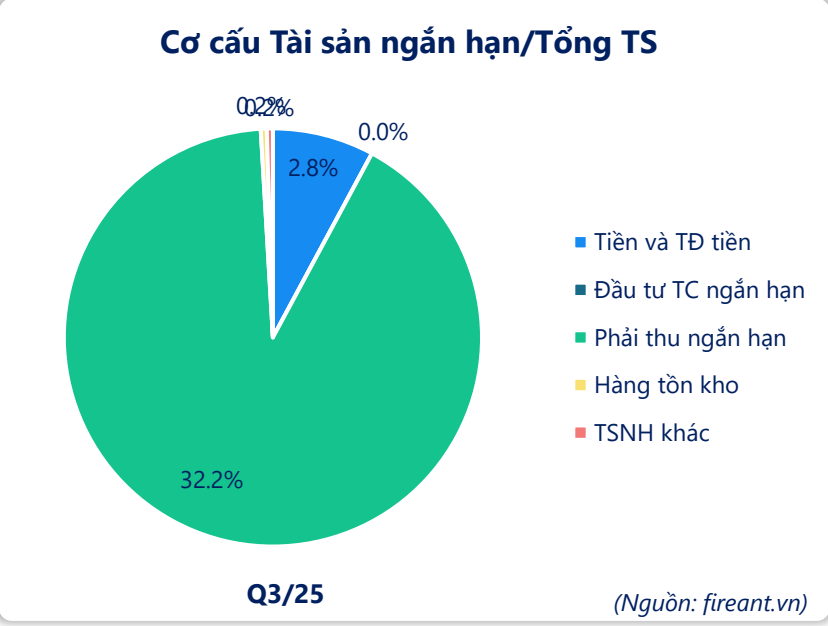
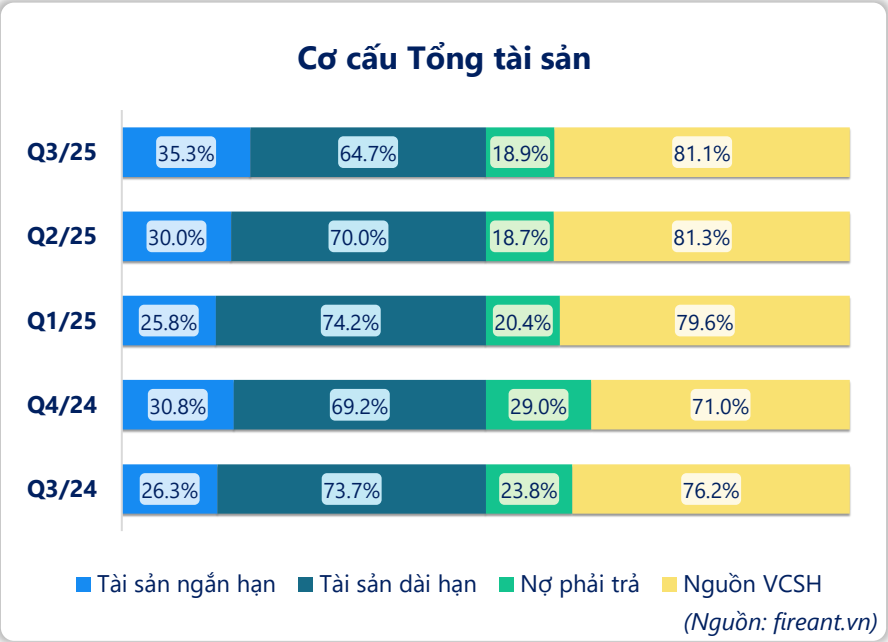
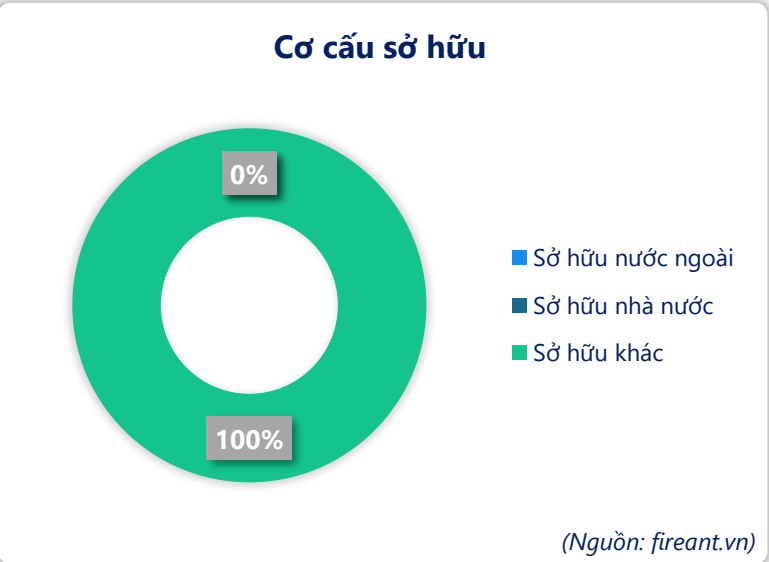
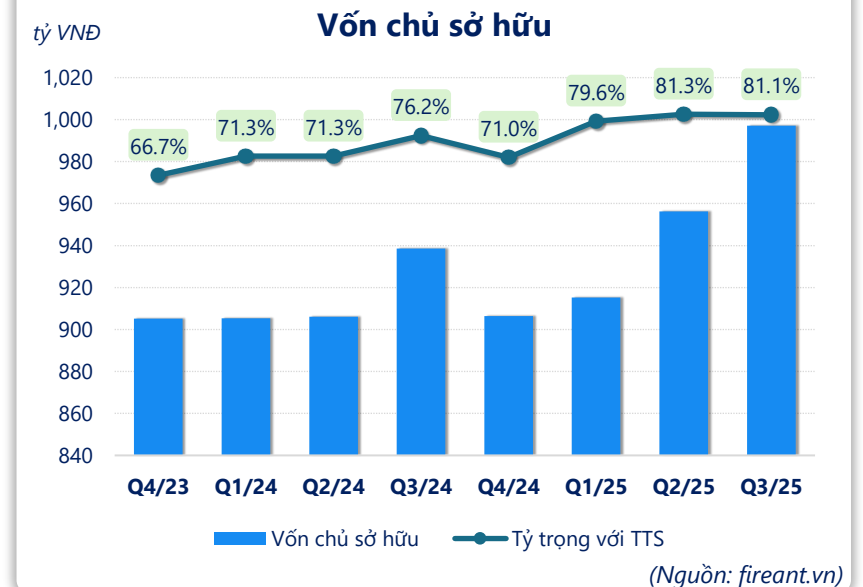
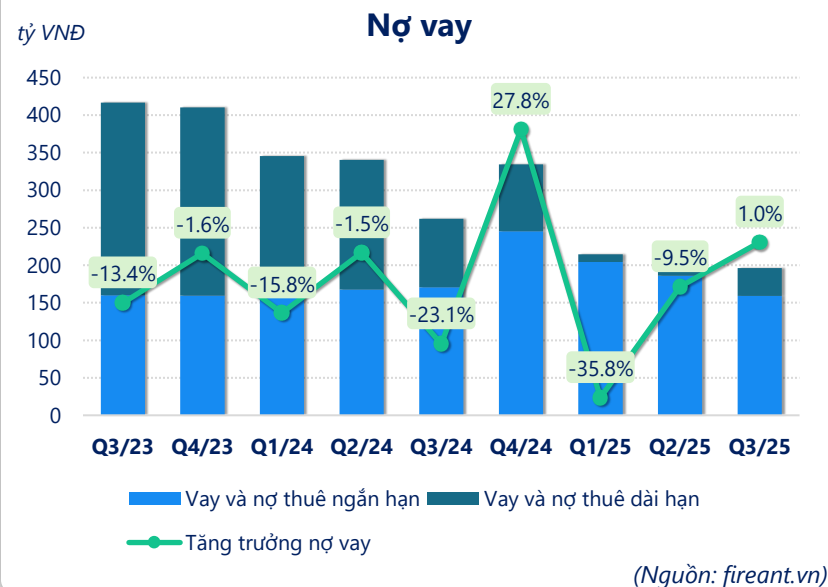
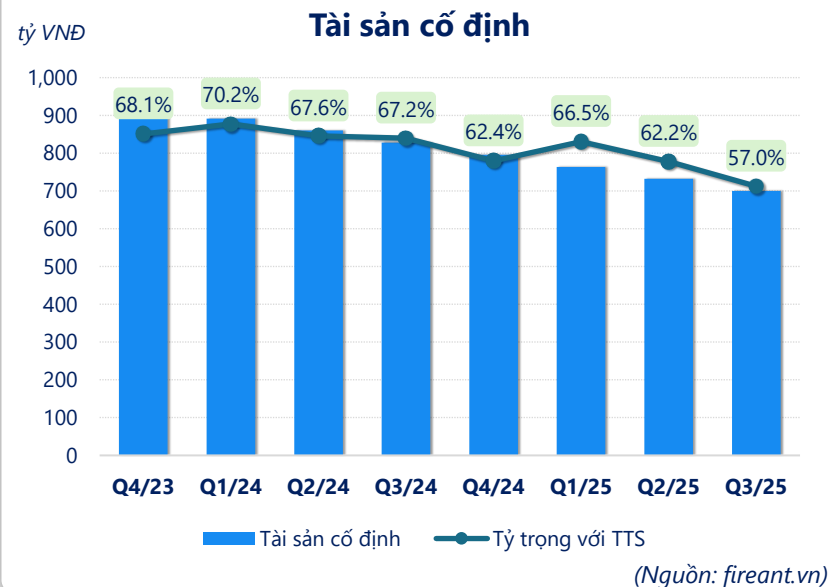
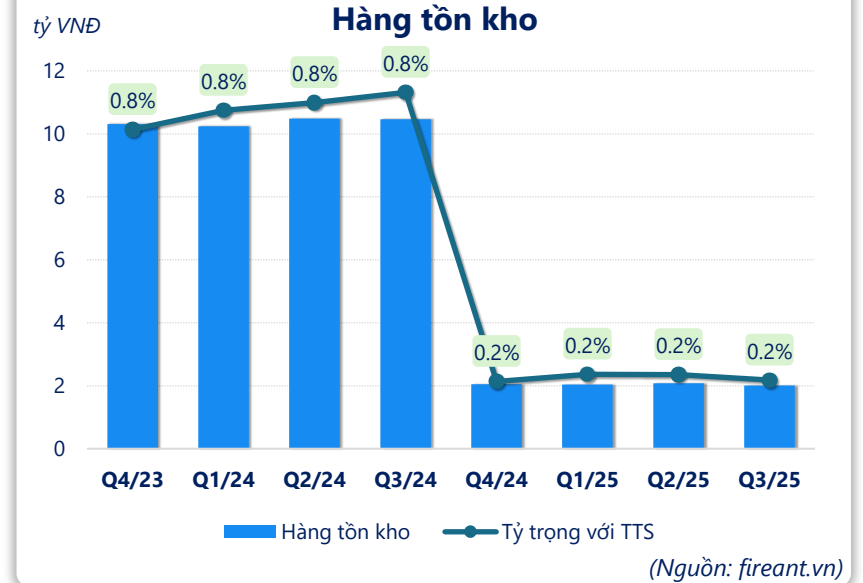
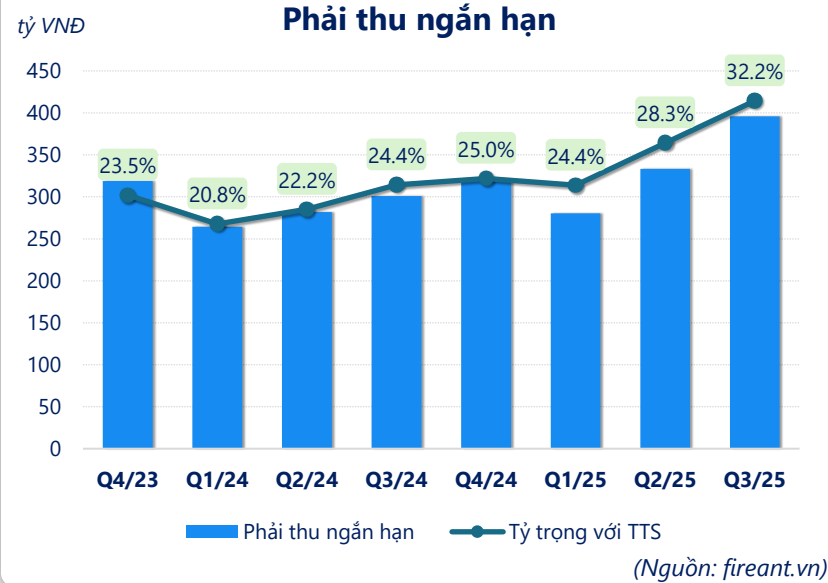
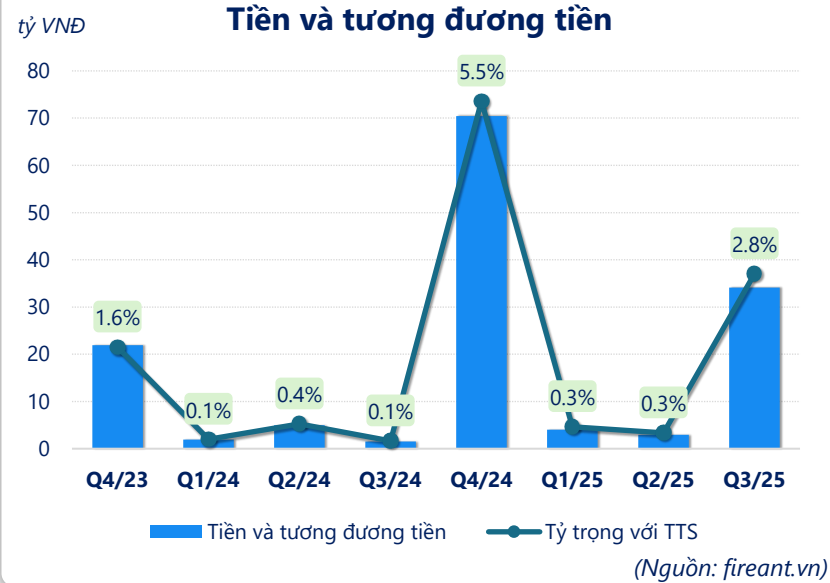
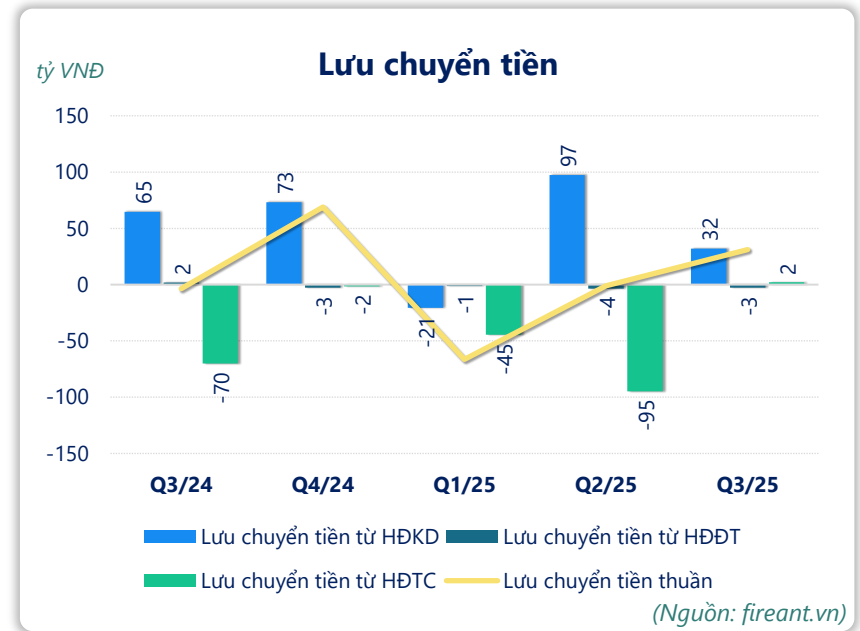
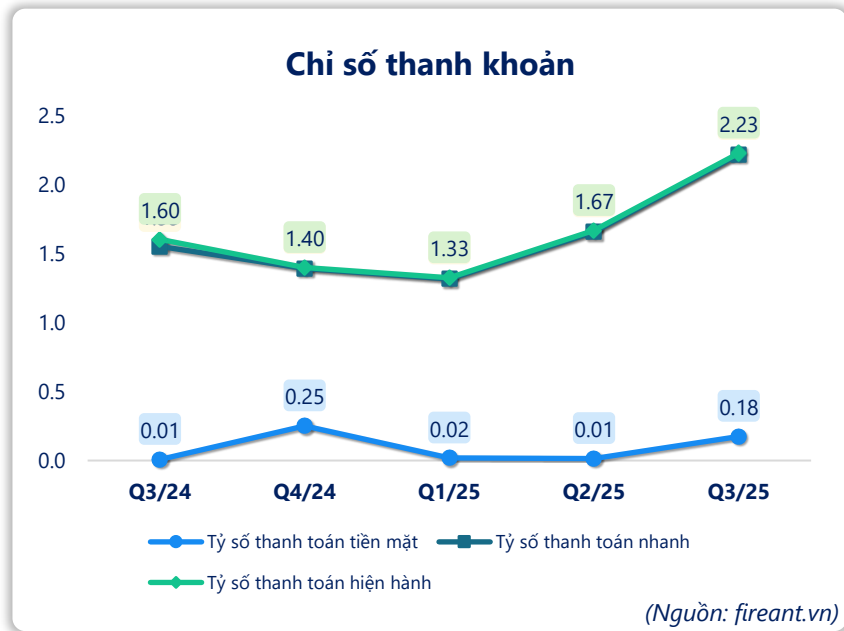
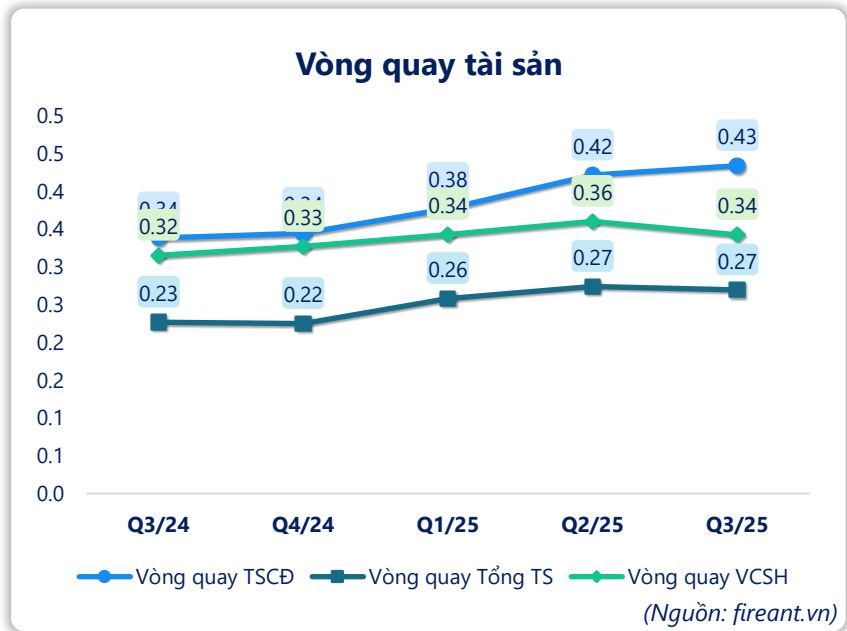
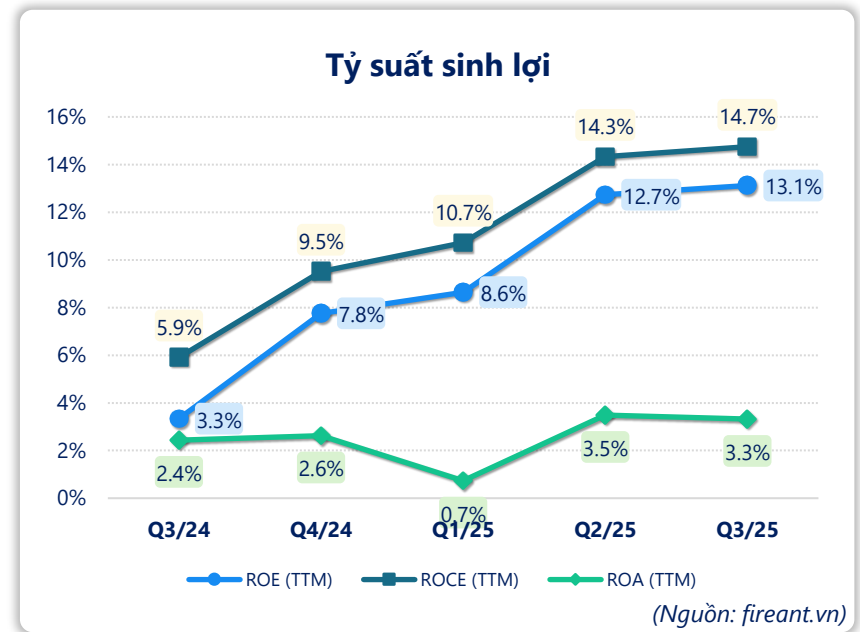
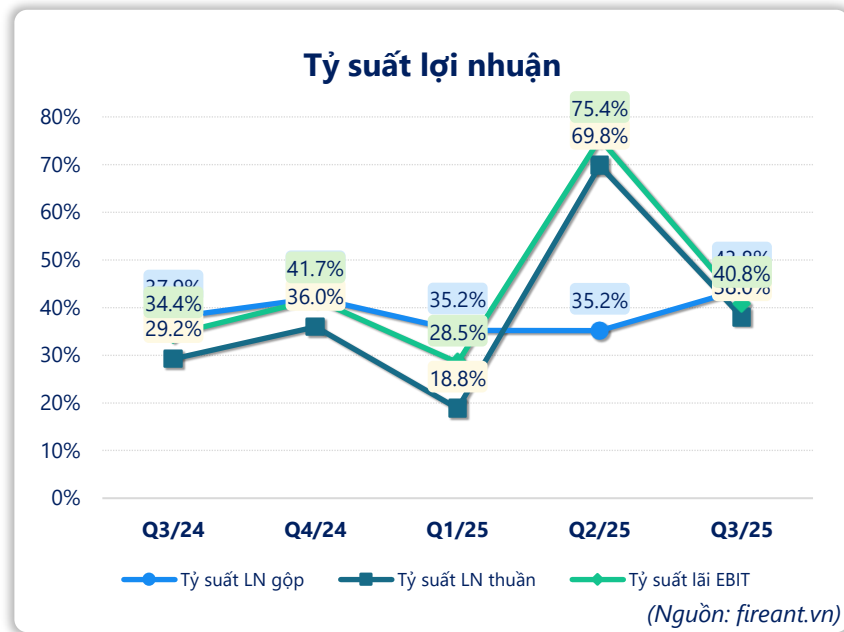
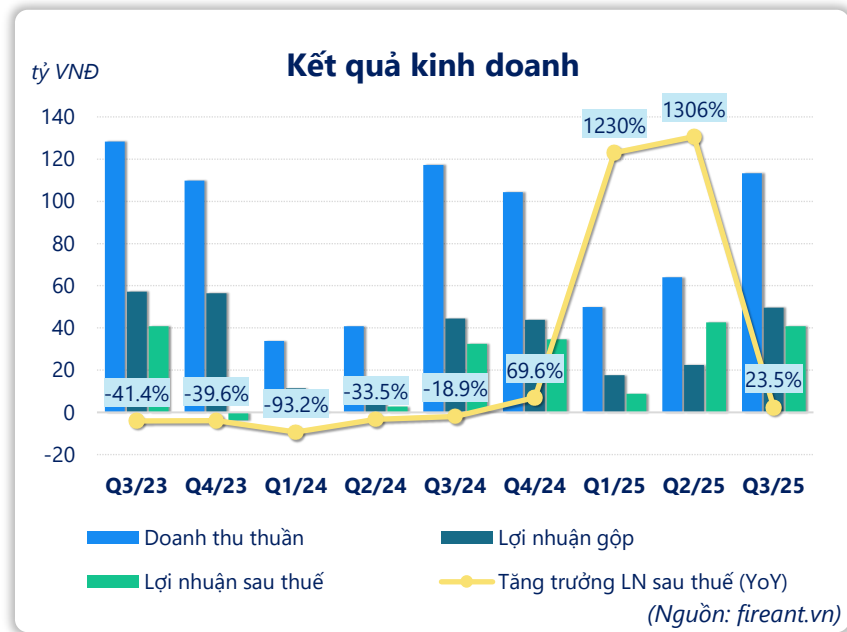


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,357
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,337
SL cổ phiếu LH		66,850,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,207
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,578
P/E		12.4
EPS		1,900

	YTD	1T	3T	6T
BSA	10.6%	4.0%	9.6%	15.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,229	1,276	-3.7%
Tài sản ngắn hạn	434	393	10.6%
Tiền và tương đương tiền	34.1	70.4	-51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	396	320	23.9%
Hàng tồn kho	2.01	2.04	-1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.04	0.59	247%
Tài sản dài hạn	795	883	-10.0%
Phải thu dài hạn	0.00	0.05	-93.6%
Tài sản cố định	700	796	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.1	3.10	226%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	84.2	84.4	-0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	232	370	-37.3%
Nợ ngắn hạn	195	281	-30.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	159	245	-35.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.23	1.38	135%
Nợ dài hạn	36.9	89.0	-58.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	36.9	89.0	-58.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	997	906	10.0%
Vốn chủ sở hữu	997	906	10.0%
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	117	104	49.9	64.0	113
Giá vốn hàng bán	72.7	60.5	32.3	41.5	63.6
Lợi nhuận gộp	44.5	43.8	17.6	22.5	49.6
Doanh thu HĐTC	0.17	0.40	0.18	28.5	0.03
Chi phí TC	6.37	2.61	4.97	3.48	3.32
Chi phí lãi vay	6.12	6.15	4.81	3.25	3.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	3.38	-3.38	0
Chi phí QLDN	4.02	4.07	0	6.26	3.29
LN thuần từ HĐKD	34.2	37.5	9.39	44.7	43.0
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.11	0	0.35	0
LN trước thuế	34.2	37.4	9.39	45.0	43.0
Lợi nhuận sau thuế	32.5	34.6	8.88	42.7	40.9
LNST của CĐ cty mẹ	32.5	34.6	8.88	42.7	40.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.8	73.3	-20.7	97.4	32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.94	-2.81	-1.19	-3.60	-2.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.2	-1.57	-44.6	-94.9	2.01
Tiền đầu kỳ	4.99	1.52	70.4	4.02	2.95
Lưu chuyển tiền thuần	-3.47	68.9	-66.4	-1.07	31.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	1.52	70.4	4.02	2.95	34.1

(Nguồn: fireant.vn)